

Light

SAMANTHA OB

Giày không dây mái cho nữ

uố c ả ng p c ch ố n g tĩnh điệ n và phần thân giày thoáng khí mang lại t ho nhiều ngành công n ghiệ p khác nhau và phù hợp về mặt khô ráo rư ợ t và c h t c kỳ t

SAMANTHA của chúng tôi có khả năng chư ố i v bảo v t ệ

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong i tái chế	lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	OB / SR, HRO, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng thép	0.260 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



LGN



BLK



LBL



WHT



FUC



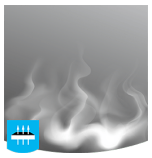
LLC



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ** c ngoài bằng cao su Oxytraction trên cả sáng khô và SRC (SRA+ SRB).



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c thoải lâu hơn.



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng giày bảo hộ. Nó có nghĩa là giày đã vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên hơn bằng lót giày chỉnh hình riêng, mái thể thoả

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn môigkhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đa giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phải cáphủ hàn nhiệg Khôngtrên lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20347	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
Những vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn				
	Top: khả năng ưu ấm ớch ơ	? 0.8	2.52	ờ mg/cm/g
	Top: hi uệ số ớch ơ	? 15	23	mg/cm2
ót bên trong	i tái ch ế ớ			
	L ớp lót: ưu ấm ớch ơ	? 2	86.31	ờ mg/cm/g
	lót: hi uệ số ớch ơ	? 20	691	mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)				
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800	chu kỳ
goài Đ	**Philon/cao su**			
	Ch ố ả ng trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150	118	mm
	Chư ố ợt: c ớt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt g ớt v ề phía t	? 0.31	0.38	ma sát
	ư Cột: c ớt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.38	ma sát
	ư Cột: SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt g ớt phía t	? 0.19	0.26	ma sát
	Chư ố ợt: SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.28	ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	36.6	megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	70	megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g ót chân c ủ	? 20	32	J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Đã có ký thuyết và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ế t ơn vị u	đo l Đ ờn g q
i **CO** phát thả			
	V ật l iệu	3.20	kg
	Bao bì	0.10	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		5.46 kg CO2/ cặp	

	Sự miêu t ả	ế t u	K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế			
	Product	14%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính